

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh
2. Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Đạt; bà Phan Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2026/TLST-HNGĐ, ngày 05/02/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXX - HNGĐ ngày 17/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1981; Căn cước công dân số 042197014564; Nơi đăng ký thường trú: Xóm B, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở hiện nay: UI. Bakalars 11, BA6, W (Ba Lan) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Hải Y: Ông Phạm Thế H, sinh năm 1991. Căn cước công dân số 040091029780. Địa chỉ: Công ty L1, số C, đường N, phường T, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1972; Căn cước công dân số 042072014026; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 25/6/1986; Căn cước công dân số 037186002735, Địa chỉ: Số B T, Trần Nguyên H1, Lê C1, Hải Phòng (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy Chung kết H2 hợp pháp, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2000 tại UBND xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Nay là UBND phường Y, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, quan hệ căng thẳng và tình cảm nhạt dần nên không chung sống cùng nhau. Đến khoảng năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan và vợ chồng cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn để hai bên tự do ổn định cuộc sống, không ràng buộc gì nhau nữa.

Về con chung: Quá trình hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Duy C có 02 con chung Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 24/10/2001, Nguyễn Duy Gia K, sinh ngày 06/8/2008. Cả hai cháu hiện đang sống tại nhà em gái chị Y tại Hải Phòng. Khi ly hôn chị Y yêu cầu Tòa án giao cháu Gia K cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Còn cháu Khánh L đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai (Tài liệu được hợp pháp hóa lãnh sự xác nhận của Đ tại Cộng hòa B) chị Y đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Ngoài ra, chị trình bày thêm vì điều kiện làm việc và sinh sống tại Ba Lan nên việc đi về giữa hai nước rất khó khăn nên đề nghị vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc Tòa án triệu tập, vắng mặt tại các phiên xét xử đồng thời ủy quyền cho ông Phạm Thế H được trực tiếp giao, nhận tài liệu và thực hiện nộp chi phí tố tụng tại thi hành án hoặc các cơ quan có thẩm quyền trong suốt quá trình Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Duy C.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Duy C trình bày:* Về thời gian, địa điểm kết hôn giống như chị Y đã trình bày, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng năm 2019 thì chị Y đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan, vợ chồng sống cách xa nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại hạnh phúc hôn nhân không tồn tại trên thực tế, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay nên chị Y làm đơn ly hôn anh cũng đồng tình ly hôn. Về con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Hải Y có 02 con chung Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 24/10/2001, Nguyễn Duy Gia K, sinh ngày 06/8/2008. Cả hai cháu hiện đang sống tại nhà em gái chị Y là chị Nguyễn Thị Kiều O tại Hải Phòng. Cháu Khánh L đã đủ tuổi trưởng thành, còn cháu Gia K anh cũng đồng ý giao cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, trong thời

gian chị **Y** đang ở nước ngoài cháu tiếp tục sống cùng dì Kiều Oanh. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị **Y** không yêu cầu gì nên anh cũng không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh cũng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Chị **Nguyễn Thị Kiều O** (em gái chị **Y**) trình bày: Chị được biết chị gái đang làm thủ tục đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn. Mặc dù, đây là điều không ai mong muốn, nhưng tình trạng hôn nhân thực tế của vợ chồng chị gái tôi đã có quá trình mâu thuẫn kéo dài, việc anh chị quyết định ly hôn là quyền của anh chị chị không có ý kiến gì. Tuy nhiên, liên quan đến việc ly hôn giữa vợ chồng chị gái chị có 02 con chung trước khi đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan chị nhờ chị chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Hiện tại cháu **Khánh L** đã trưởng thành, còn cháu **Gia K** chị vẫn đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Nên nếu Tòa án giải quyết ly hôn giao con chung cho chị **Y** chăm sóc, nuôi dưỡng thì chị tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Gia K** trong thời gian chị **Hải Y** đang lao động tại nước ngoài, việc cấp dưỡng nuôi cháu chị không có yêu cầu gì.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện cơ bản đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 478, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 3, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Nguyễn Duy C**.

- Về con chung và cấp dưỡng: Con chung **Nguyễn Thị Khánh L**, sinh ngày 24/10/2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên miễn xét. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung **Nguyễn Duy Gia K**, sinh ngày 06/8/2008 cho chị **Nguyễn Thị Hải Y** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Trong thời gian chị **Y** đang lao động tại nước ngoài

cháu **Gia K** tiếp tục sống cùng dì **Nguyễn Thị Kiều O**. Anh **C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hải Y**, anh **Nguyễn Duy C** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Nguyễn Thị Hải Y** hiện đang lao động tại Ba Lan. Theo thông tin xuất nhập cảnh tại Công văn số 403/QLXNC – Đ1, ngày 06/3/2026 của **phòng Q - Công an tỉnh H** xác nhận chị **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh ngày 03/10/1981, Số Hộ chiếu Q00790311 đã xuất cảnh gần nhất ngày 06/3/2026 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Bị đơn anh **Nguyễn Duy C** đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại **Thôn L, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh**. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Hải Y** yêu cầu được ly hôn anh **Nguyễn Duy C** và yêu cầu được nuôi con chung do đó xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt các đương sự: Chị **Nguyễn Thị Hải Y** là công dân Việt Nam hiện đang sinh sống và lao động tại nước ngoài quá trình giải quyết vụ án chị đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ và chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh **Nguyễn Duy C** cũng có đơn xin xét xử. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Nguyễn Duy C** đã tuân thủ các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2000 tại **UBND xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình**. (Nay là **UBND phường Y, tỉnh Ninh Bình**). Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chị **Y** đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống cách xa nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến nay không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, cả hai đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, nên đều thống nhất giải quyết ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống.

Từ yêu cầu của các đương sự và trên cơ sở tình trạng hôn nhân thực tế, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Duy C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Duy C 02 con chung Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 24/10/2001, Nguyễn Duy Gia K, sinh ngày 06/8/2008, cháu Khánh L hiện đã đủ tuổi trưởng thành, còn cháu Gia K chị Y có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, chị Y hiện đang đi lao động tại nước ngoài không đảm bảo điều kiện trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Cháu Gia K hiện đang sống cùng dì Nguyễn Thị Kiều O tại Hải Phòng, cuộc sống của cháu hiện tại đang ổn định, cháu được đảm bảo điều kiện ăn học, sinh hoạt đầy đủ, cháu cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ trong thời gian mẹ đi nước ngoài cháu tiếp tục sống cùng dì. Anh C đồng ý giao con cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý việc cháu tiếp tục sống cùng dì Kiều Oanh trong thời gian mẹ lao động tại nước ngoài. Dì Kiều O cũng có văn bản trình bày ý kiến và tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu không có yêu cầu gì. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần của cháu và không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của cháu khi bố mẹ ly hôn Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Gia K cho chị Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian chị Y đang lao động tại nước ngoài cháu tiếp tục sống cùng dì Kiều Oanh. Cháu Khánh L đã trưởng thành nên miễn xét. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Duy C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 3, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b Khoản 1

Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Nguyễn Duy C**.

3. Về quan hệ con chung: Con chung **Nguyễn Thị Khánh L**, sinh ngày 24/10/2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên miễn xét. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung **Nguyễn Duy Gia K**, sinh ngày 06/8/2008 cho chị **Nguyễn Thị Hải Y** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Trong thời gian chị **Y** đang lao động tại nước ngoài cháu **Gia K** tiếp tục sống cùng dì **Nguyễn Thị Kiều O**. Anh **C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

5. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hải Y** phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0000115, ngày 27/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Nay trả lại cho chị **Nguyễn Thị Hải Y** 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Anh **Nguyễn Duy C** phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hải Y** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh **Nguyễn Duy C** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3 - Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Hồng Chương Đoàn Xuân T

Lê Thị H3

